

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18000115	Phạm Hoài	An	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
2	18000212	Đinh Gia	Bảo	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
3	18004142	Nguyễn Đức	Cảnh	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
4	18003779	Dương Tuấn	Đạt	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
5	18000956	Nguyễn Tiến	Đạt	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
6	18000439	Trần Quang	Dinh	18T4-CCK1	984,000	-	984,000	
7	18000070	Nguyễn Trí	Đức	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
8	18000233	Trần Nhật	Hải	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
9	18003071	Ngô Gia	Hào	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
10	18001259	Nguyễn Đình Phú	Hào	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
11	18002041	Nguyễn Bảo	Hoàng	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
12	18000587	Nguyễn Trần Anh	Huy	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
13	18000827	Ngô Phúc	Khang	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
14	18004728	Cao Việt	Khánh	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
15	18005132	Trần Văn	Khuyến	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
16	18003675	Lê Bá	Linh	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
17	18000201	Nguyễn Phạm Thiên	Lộc	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
18	18002078	Lê Đỗ Chí	Mẫn	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
19	18000202	Phạm Nguyễn Hải	Nam	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
20	18000852	Trần Tuấn	Nguyên	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
21	18003423	Nguyễn Thanh	Phú	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
22	18004213	Nguyễn Hà Ngọc	Phúc	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
23	18000153	Nguyễn Trọng	Phúc	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
24	18000300	Trần Hoàng	Phúc	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
25	18000573	Võ Anh	Phương	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
26	18003872	Nguyễn Ngọc Minh	Quân	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
27	18005172	Nguyễn Thanh	Sang	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
28	18001454	Vũ Trí	Son	18T4-CCK1	-	90,000	90,000	Giấy thi, giấy nháp
29	18002228	Đinh Văn	Tài	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
30	18005199	Lê Công	Tài	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
31	18000260	Thái Kiến	Tạo	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
32	18003728	Nguyễn Quốc	Thắng	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
33	18000187	Nguyễn Hoàng	Thành	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
34	18000838	Nguyễn Nguyễn Trí	Thiện	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
35	18004691	Lê Kim	Thìn	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
36	18003491	Tô Anh	Tiến	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
37	18001345	Vô Thành	Tin	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
38	18005269	Phan Trung	Tính	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
39	18004273	Nguyễn Thanh	Tòng	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
40	18000119	Nguyễn Anh	Trọng	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
41	18000778	Lê Huy	Tú	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
42	18005001	Lương Thanh	Tú	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
43	18004291	Trần Đoàn Anh	Tuấn	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
44	18000637	Nguyễn Hoàng	Vinh	18T4-CCK1	6,150,000	140,000	6,290,000	
				44				